

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẮK LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KT
V/v triển khai thực hiện các
nhiệm vụ về công tác chăn nuôi
trên địa bàn xã Đắk Long năm
2026.

Đắk Long, ngày tháng năm 2026

Kính gửi: Trưởng các thôn trên địa bàn xã

Thực hiện Công văn số 543/SNNMT-CNTY ngày 16/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn về công tác chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong năm 2026.

Để triển khai thực hiện các nhiệm vụ về công tác phát triển chăn nuôi (đàn trâu, đàn bò, đàn lợn, gia cầm) trên địa bàn xã năm 2026 đạt kế hoạch đề ra. Ủy ban nhân dân xã đề nghị Trưởng các thôn trên địa bàn xã phối hợp thực hiện các nội dung sau:

1. Phối hợp tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, hộ chăn nuôi trên địa bàn triển khai thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi tại Công văn số 241/UBND-KT ngày 06/9/2025 của UBND xã Đắk Long đã gửi các thôn trên địa bàn xã (Phụ lục 2, về kê khai hoạt động chăn nuôi).

2. Phối hợp tuyên truyền, triển khai thực hiện các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học theo hướng dẫn tại Công văn số 1492/SNNMT-CNTY ngày 7/8/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

3. Phối hợp Phòng Kinh tế báo cáo theo Mẫu rà soát, thống kê tổng đàn vật nuôi, sổ hộ chăn nuôi theo Phụ lục 1, 2, 3, 4 đính kèm. Nội dung báo cáo tại Phụ lục 1 (trước ngày 10 hàng tháng); Phụ lục 2, 3 (trước ngày 15 tháng 6 và trước ngày 15 tháng 12); Phụ lục 4 (trước ngày 15 tháng cuối quý).

Ủy ban nhân dân xã đề nghị Trưởng các thôn quan tâm phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã (b/c);
- Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Diệu

Phụ lục 1

I. Danh sách tổng hợp số liệu tổng đàn vật nuôi

TT	Tên thôn	Trâu (bao gồm cả nghé)	Bò		Lợn				Gia cầm		Ong	Chim yến (nhà)	Dê	Con khác
			Bò thịt (bao gồm cả bê)	Bò đực giống	Lợn thịt	Lợn con	Lợn đực giống	Lợn nái	Gà	Vịt, ngan				
01														

* **Ghi chú:** Số liệu tổng đàn gia súc, gia cầm chi tiết đến từng xã.

II. Tổng hợp các hộ, cơ sở chăn nuôi trên địa bàn có..... hộ chăn nuôi; trong đó có:

1. Tổng số hộ chăn nuôi lợn: ... hộ (trong đó: Hộ chăn nuôi của người Đồng bào dân tộc thiểu số ... hộ);
2. Tổng số hộ chăn nuôi trâu, bò: ... hộ (trong đó: Hộ chăn nuôi của người Đồng bào dân tộc thiểu số ... hộ);
3. Tổng số hộ chăn nuôi gia cầm: ... hộ (trong đó: Số hộ chăn nuôi gà ...hộ; số hộ chăn nuôi thủy cầm ... hộ);
4. Tổng số hộ nuôi chim yến: Số nhà yến ... /số cặp chim yến/số hộ nuôi yến.
5. Tổng số hộ chăn nuôi ong: Số hộ chăn nuôi ong/ số đàn ong.
6. Chăn nuôi con khác (dê, hươu, thỏ....): ... hộ.

Phụ lục 2
MẪU KÊ KHAI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI
(Ban hành kèm theo TT số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KÊ KHAI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI

Tên tổ chức, cá nhân chăn nuôi:.....

Địa chỉ cơ sở chăn nuôi:.....

Số điện thoại (nếu có):.....

Thời điểm kê khai:

Kê khai theo (định kỳ hoặc nhập nuôi mới hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý):.....

Số TT	Loại vật nuôi	Đơn vị tính	Số lượng nuôi hoặc diện tích nuôi trong kỳ	Mục đích nuôi	Thời gian bắt đầu nuôi	Dự kiến thời gian xuất	Số lượng vật nuôi xuất trong kỳ ⁽¹⁾	Sản lượng vật nuôi hoặc sản phẩm chăn nuôi xuất trong kỳ	Ghi chú
1									
2									
....									

....., ngày ... tháng ... năm

Tên tổ chức, cá nhân chăn nuôi

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai, cập nhật hoạt động chăn nuôi nộp bảng kê khai, cập nhật trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua thư điện tử, email, fax ... về Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc trên hệ thống cơ sở dữ liệu chăn nuôi.

- ⁽¹⁾ Đối với chim yến, dế, bọ cạp, tằm, giun quế, ruồi lính đen số lượng vật nuôi xuất trong kỳ: (để trống).

Phụ lục 3:
DANH SÁCH TỔNG HỢP CÁC CƠ SỞ, TRANG TRẠI CHĂN NUÔI

TT	Họ tên, cơ sở chăn nuôi	Địa chỉ, Số điện thoại	Giống vật nuôi	Mục đích chăn nuôi		Số lượng (con)	Quy mô chăn nuôi				Ghi chú
				Làm giống	Nuôi thịt		Quy mô lớn Từ 300 ĐVN trở lên	Quy mô vừa Từ 30 ĐVN đến dưới 300 ĐVN	Quy mô nhỏ Từ 10 ĐVN đến dưới 30 ĐVN	Quy mô nông hộ Dưới 10 ĐVN	
01	Nguyễn Văn A	Thôn, tổ: xã/phường/đặc khu ĐT: ...	CN lợn			1.500	x				
02	Nguyễn Văn B	Thôn, tổ: xã/phường/đặc khu ĐT: ...	CN gà					x			
...											

Phụ lục 4
DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH GIỐNG VẬT NUÔI

TT	Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi	Địa chỉ	Loại giống vật nuôi	Số lượng	Công bố tiêu chuẩn		Ghi chú
					Thực hiện việc công bố tiêu chuẩn (kèm theo Quyết định công bố)	Chưa thực hiện việc công bố tiêu chuẩn	